Chi tiết mã HS 8519.89.10

Mã HS	8519.89.10
Mô tả hàng hóa	Thiết bị ghi hoặc tái tạo âm thanh / - Thiết bị khác: / - - Loại khác: / - - - Máy tái tạo âm thanh dùng trong điện ảnh
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	11/11/2026 17:21:11
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/85198910/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	15	15%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K15437
Thuế NK ưu đãi (MFN)	10	10%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N15437
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q15437
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0 (-BN)	0% (trừ BN)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	5,5	5,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VIFTA	5.7	5,7%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	8	8%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	8	8%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0/0	0 / 0 (nhiều mức)	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Cần diễn giải
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
AIFTA	11	11%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E14748
ATIGA	2022	2022	0	AT!E14689
ATIGA	2023	2023	0	AT!F14689
ATIGA	2024	2024	0	AT!G14689
ATIGA	2025	2025	0	AT!H14689
ATIGA	2026	2026	0	AT!I14689
ATIGA	2027	2027	0	AT!J14689
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E14743
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F14743

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G14743
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H14743
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I14743
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J14743
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E14744
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F14744
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G14744
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H14744
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I14744
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J14744
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		8	AK!F14747
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H14695
AIFTA	30/12/2022	2022	12	AI!F14703
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	11.5	AI!G14703
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	11.5	AI!H14703
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	11	AI!I14703
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	11	AI!J14703
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	11	AI!K14703
VKFTA	2022	2022	8	VK!E14734
VKFTA	2023	2023	8	VK!F14734
VKFTA	2024	2024	8	VK!G14734
VKFTA	2025	2025	8	VK!H14734
VKFTA	2026	2026	8	VK!I14734
VKFTA	2027	2027	8	VK!J14734
VCFTA	2022	2022	2	VC!D14789
VCFTA	2023	2023	1	VC!E14789

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F14789
VCFTA	2025	2025	0	VC!G14789
VCFTA	2026	2026	0	VC!H14789
VCFTA	2027	2027	0	VC!I14789
VN-EAEU	2022	2022		EAV!14766
VN-EAEU	2023	2023		EAV!14766
VN-EAEU	2024	2024		EAV!14766
VN-EAEU	2025	2025		EAV!14766
VN-EAEU	2026	2026		EAV!14766
VN-EAEU	2027	2027		EAV!14766
AHKFTA	2022	2022	10	AKH!D14766
AHKFTA	2023	2023	10	AKH!E14766
AHKFTA	2024	2024	10	AKH!F14766
AHKFTA	2025	2025	10	AKH!G14766
AHKFTA	2026	2026	10	AKH!H14766
AHKFTA	2027	2027	10	AKH!I14766
EVFTA	2022	2022	5	EV-NK!D14781
EVFTA	2023	2023	3,3	EV-NK!E14781
EVFTA	2024	2024	1,6	EV-NK!F14781
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G14781
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H14781
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I14781
UKVFTA	2022	2022	5	UKV!D14780
UKVFTA	2023	2023	3,3	UKV!E14780
UKVFTA	2024	2024	1,6	UKV!F14780
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G14780

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H14780
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I14780
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D14773
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E14773
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F14773
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G14773
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H14773
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I14773
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J14773
RCEP A	2022	2022	9	RCEPT-A!D14768
RCEP A	2023	2023	8	RCEPT-A!E14768
RCEP A	2024	2024	7	RCEPT-A!F14768
RCEP A	2025	2025	6	RCEPT-A!G14768
RCEP A	2026	2026	5	RCEPT-A!H14768
RCEP A	2027	2027	4	RCEPT-A!I14768
RCEP B	2022	2022	9	B!D14768
RCEP B	2023	2023	8	B!E14768
RCEP B	2024	2024	7	B!F14768
RCEP B	2025	2025	6	B!G14768
RCEP B	2026	2026	5	B!H14768
RCEP B	2027	2027	4	B!I14768
RCEP C	2022	2022	9	C!D14768
RCEP C	2023	2023	8	C!E14768
RCEP C	2024	2024	7	C!F14768
RCEP C	2025	2025	6	C!G14768
RCEP C	2026	2026	5	C!H14768

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	4	C!I14768
RCEP D	2022	2022	9,1	D!D14767
RCEP D	2023	2023	8,2	D!E14767
RCEP D	2024	2024	7,3	D!F14767
RCEP D	2025	2025	6,4	D!G14767
RCEP D	2026	2026	5,5	D!H14767
RCEP D	2027	2027	4,5	D!I14767
RCEP E	2022	2022	9	E!D14771
RCEP E	2023	2023	8	E!E14771
RCEP E	2024	2024	7	E!F14771
RCEP E	2025	2025	6	E!G14771
RCEP E	2026	2026	5	E!H14771
RCEP E	2027	2027	4	E!I14771
RCEP F	2022	2022	9	F!D14768
RCEP F	2023	2023	8	F!E14768
RCEP F	2024	2024	7	F!F14768
RCEP F	2025	2025	6	F!G14768
RCEP F	2026	2026	5	F!H14768
RCEP F	2027	2027	4	F!I14768
VIFTA	2024	2024	8,6	VI!F13751
VIFTA	2025	2025	7.1	VI!G13751
VIFTA	2026	2026	5.7	VI!H13751
VIFTA	2027	2027	4.3	VI!I13751

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: HH tạm ngừng KD TNTX CK (08/2023/TT-BCT - PL2)		08/2023/TT-BCT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
FTA-013	YELLOW	Thuế FTA không thấp hơn MFN	AHKFTA 10%, AIFTA 11%: thuế suất ưu đãi đặc biệt bằng hoặc cao hơn thuế MFN (10%) theo biểu nguồn – áp dụng FTA không mang lại tiết kiệm.	MFN 10%		Cân nhắc áp dụng thuế MFN (nếu nước xuất xứ đáp ứng điều kiện MFN) thay vì chuẩn bị chứng từ xuất xứ FTA.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8519.89 có 5 dòng thuế; dòng 8519.89.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Máy tái tạo âm thanh dùng trong điện ảnh.	8519.89.20 Máy quay đĩa (record players) có hoặc không có loa; 8519.89.30 Loại dùng cho điện ảnh hoặc phát thanh; 8519.89.40 Thiết bị tái tạo âm thanh khác; 8519.89.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-004	YELLOW	Mã HS mới từ Danh mục 2023	Mã 8519.89.10 được đánh dấu là mã mới bổ sung trong biểu thuế 2023 (worksheet MOI). Hợp đồng, C/O hoặc tài liệu cũ có thể dùng mã 2017.	MOI: 8519.89.10	31/2022/TT-BTC	Đảm bảo C/O và chứng từ thể hiện mã HS phù hợp; file nguồn không cung cấp bảng tương quan mã cũ–mới.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8519.89.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 10% của mã 8519.89.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N15437), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
HH tạm ngừng KD TNTX CK (08/2023/TT-BCT - PL2)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.